

Hương Đỗ (2023). Hiện trạng cơ cấu và tài chính của các tổ chức khoa học công nghệ công lập Việt Nam. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 63-72

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

Hiện trạng cơ cấu và tài chính của các tổ chức khoa học công nghệ công lập Việt Nam

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

Đỗ Thanh Hương (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển,

Email: thanhhuongdo88@gmail.com

Tóm tắt:

Trong thời gian qua, khoa học và công nghệ đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khoa học và công nghệ đang góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được thúc đẩy, lan tỏa trong xã hội cùng với sự phát triển đồng bộ của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Các tổ chức khoa học công nghệ công lập và ngoài công lập đang phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, nhằm đảm bảo vai trò nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ... Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ là một trong các tiêu chí thể hiện sức mạnh, trình độ phát triển cũng như tính bền vững của sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia.

Đứng trước bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (dữ liệu, xử lý, kết nối, trí tuệ nhân tạo (AI), robot, khoa học sinh học, hệ thống tự trị,...) đang thay đổi cách thức nền kinh tế vận hành, vì vậy làm sao để thích ứng với cơ hội cũng như thách thức mới là vấn đề cấp bách đối với mạng lưới tổ chức KH&CN quốc gia. Đặc biệt đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập vẫn còn nhiều hạn chế trong cơ cấu tổ chức và khả năng tự chủ tài chính, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các tổ chức này. Bài viết này đánh giá hiện trạng cơ cấu và tài chính của tổ chức khoa học công nghệ công lập Việt Nam giai đoạn 2017-2021, từ đó nhận định một số hạn chế tồn tại và gợi ý phương hướng phát triển tổ chức KH&CN trong thời kỳ mới.

Từ khóa: cơ cấu, tổ chức, tự chủ tài chính, khoa học công nghệ, công lập.

Abstract:

Recently, science and technology have contributed significantly to the growth and competitiveness of the economy. Science and technology ensure national defense and security, contribute to natural disaster

Ngày nhận bài:

15/11/2022

Bản sửa lần 1:

23/11/2022

Ngày duyệt bài:

10/12/2022

Mã số: ĐS070123

prevention, protect the environment and enhance sustainable development. Innovation and creative start-ups are promoted and spread in society, while the fields of social sciences and humanities, natural sciences, technical sciences, and technology have had synchronous development. Public and non-public science and technology organizations are developing strongly in quantity and quality to ensure the role of scientific research, technology research and development, and scientific service activities. The network of science and technology organizations is one of the criteria showing the strength, development level as well as sustainability of the socio-economic development of a country.

In the context of the strong development of technology in the Fourth Industrial Revolution (data, processing, connectivity, artificial intelligence (AI), robotics, biological sciences, autonomous systems,...) is changing the way the economy operates, so how to adapt to new opportunities and challenges is an urgent issue for the national network of S&T organizations. Especially for public science and technology organizations, there are still many limitations in organizational structure and financial autonomy, which affects the performance of these organizations. This article assesses the current structure and finance of public science and technology organizations in Vietnam during the period 2017-2021, thereby identifying some existing limitations and suggesting directions for developing S&T organizations in the new era.

Keywords:

structure, organization, financial autonomy, science and technology, public.

1. Cơ cấu tổ chức khoa học công nghệ công lập Việt Nam

Ở giai đoạn trước, số liệu điều tra năm 2014, cả nước có gần 2.230 tổ chức KH&CN, trong đó có 1.074 tổ chức công lập (gồm

553 tổ chức thuộc khối trung ương, 521 tổ chức thuộc khối địa phương) và 1.154 tổ chức ngoài công lập (gồm 608 tổ chức thuộc khối trung ương, 546 tổ chức thuộc khối địa phương), 2 viện Hàn lâm (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), 2 đại học quốc gia (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh), 255 trường đại học. Tổ chức KH&CN ngoài công lập ngày càng tăng, chiếm hơn 52% tổng số tổ chức KH&CN. Trong đó, các tổ chức KH&CN công lập được chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, kết quả và hiệu quả hoạt động nhìn chung đã được nâng cao (Đỗ Việt Trung (2016).

Đến nay, thực hiện triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập Việt Nam, tổ chức KH&CN công lập Việt Nam được cơ cấu lại. Từ năm 2017 đến cuối năm 2021, mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đã được tinh gọn dần, bao gồm 443 tổ chức (giảm hơn 50% so với giai đoạn trước) bao gồm: 296 tổ chức trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, các tổng cục, học viện và các đơn vị tương đương; 140 tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 07 tổ chức trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước (Bộ Khoa học công nghệ, 2022). Cụ thể:

1.1. Phân loại cơ cấu theo đơn vị chủ quản

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các Bộ, ngành

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ đều có 01 tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách,

định mức kinh tế - kỹ thuật trực thuộc; chưa có những thay đổi lớn về tổng số tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ (Quyết định 171/QĐ-TTg quy định tổng số 133 tổ chức, đến thời điểm 31/12/2019 là 128 tổ chức), trong đó, có sự gia tăng đáng kể về số lượng tổ chức tại 02 Đại học Quốc gia, đồng thời một số cơ quan không còn tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc (Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, và Thông tấn xã Việt Nam).

Trong giai đoạn 2017-2021, hầu hết các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ giữ ổn định về số lượng tổ chức, tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp cơ cấu bên trong của từng tổ chức theo hướng: Thu gọn các đầu mối trực thuộc; Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, từng bước chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ có đủ điều kiện sang hoạt động theo mô hình doanh

nh nghiệp hoặc cổ phần hóa; Không thành lập tổ chức mới, chỉ thành lập tổ chức mới trong trường hợp đặc biệt, thật sự cần thiết do yêu cầu thực tiễn.

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện kiện toàn tổ chức theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, các địa phương đã sắp xếp tổ lại các tổ chức khoa học và công nghệ tại địa phương, đến tháng 12/2021, số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 140 tổ chức (giảm 28,6% tổ chức so với năm 2017).

c) Các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

Hiện nay, tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước gồm 07 viện nghiên cứu thuộc 06 tập đoàn và tổng công ty nhà nước (dầu khí, than-khoáng sản, hóa chất, thép, giấy, và máy động lực).

Bảng 1: Cấu trúc mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ theo loại hình sở hữu, cơ quan quản lý

| TT | Tên cơ quan | Số lượng tổ chức KH&CN | Ghi chú |
|----------|--|------------------------|--------------------------|
| A | Các Bộ | 168 | |
| | Bộ Ngoại Giao | 2 | |
| | Bộ Nội vụ | 5 | |
| | Bộ Tư Pháp | 1 | |
| | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 4 | |
| | Bộ Tài chính | 4 | |
| | Bộ Công thương | 11 | |
| | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 56 | 03 tổ chức hạng đặc biệt |

| TT | Tên cơ quan | Số lượng tổ chức KH&CN | Ghi chú |
|----------|--|------------------------|-----------------------------|
| | Bộ Giao thông Vận tải | 3 | |
| | Bộ Xây dựng | 3 | |
| | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 8 | |
| | Bộ Thông tin và Truyền thông | 3 | |
| | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 2 | |
| | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 4 | |
| | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 4 | |
| | Bộ Y tế | 19 | |
| | Bộ Khoa học và Công nghệ | 39 | 01 tổ chức hạng đặc biệt |
| B | Cơ quan Ngang bộ | 3 | |
| | Ủy ban Dân tộc | 1 | |
| | Thanh tra Chính phủ | 1 | |
| | Ngân hàng Nhà nước | 1 | |
| C | Cơ quan thuộc chính phủ | 71 | |
| | Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam | 33 | |
| | Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam | 36 | |
| | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | 1 | |
| | Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh | 1 | |
| D | Các Đại học Quốc gia | 54 | |
| | Đại học Quốc gia Hà Nội | 29 | |
| | Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 25 | |
| E | Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước | 7 | |
| | Tập đoàn dầu khí | 1 | |
| | Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam | 2 | |
| | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 1 | |
| | Tổng Công ty Thép (thuộc Bộ Công thương) | 1 | |

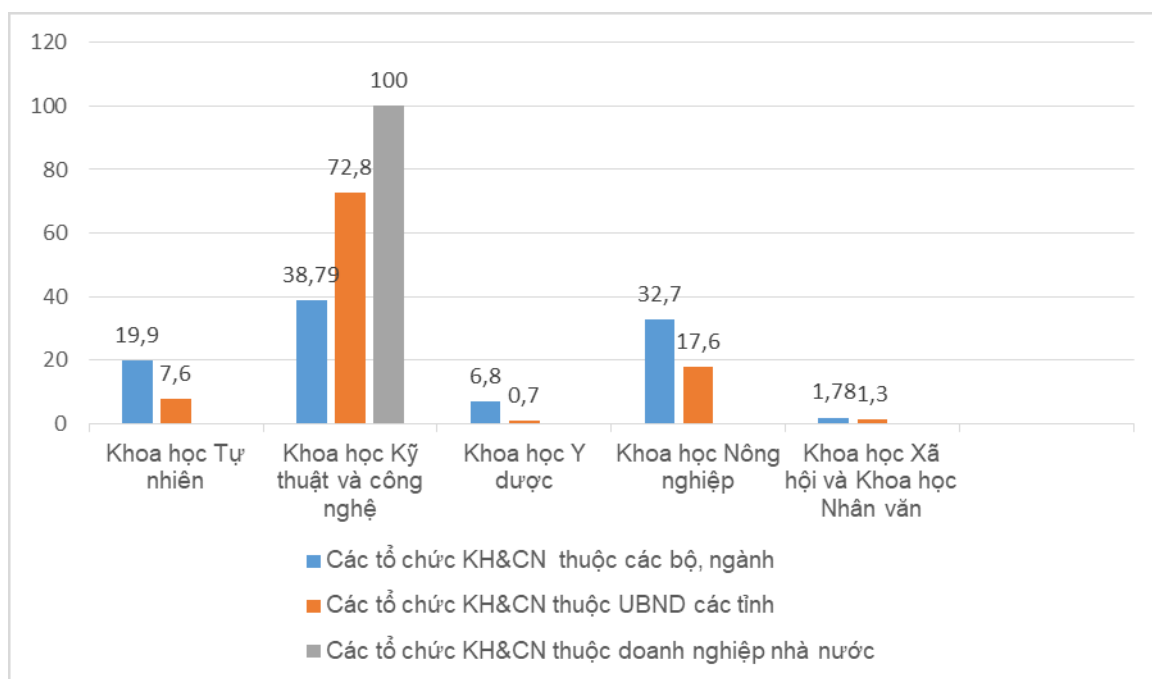
| TT | Tên cơ quan | Số lượng tổ chức KH&CN | Ghi chú |
|----------|--|------------------------|---------|
| | Tổng công ty Giấy (thuộc Bộ Công thương) | 1 | |
| | Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp (thuộc Bộ Công thương) | 1 | |
| E | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 140 | |
| | Vùng 1: Vùng trung du và miền núi phía bắc (14 tỉnh) | 21 | |
| | Vùng 2: Vùng đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố) | 19 | |
| | Vùng 3: Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung (14 tỉnh, thành phố) | 40 | |
| | Vùng 4: Vùng Tây Nguyên (05 tỉnh) | 9 | |
| | Vùng 5: Vùng Đông Nam Bộ (06 tỉnh, thành phố) | 24 | |
| | Vùng 6: Vùng đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh, thành phố) | 27 | |
| | TỔNG CỘNG | 443 | |

Nguồn: Bộ Khoa học và công nghệ (2022)

1.2. Phân loại tổ chức theo lĩnh vực hoạt động

Các tổ chức KH&CN công lập thuộc các bộ, ngành hoạt động trong lĩnh vực lần lượt như sau: khoa học kỹ thuật và công nghệ (38,9%), khoa học nông nghiệp (chiếm 32,7%), khoa học tự nhiên (19,9%), khoa học y dược (6,8%) và khoa học xã hội và khoa học nhân văn (1,78%).

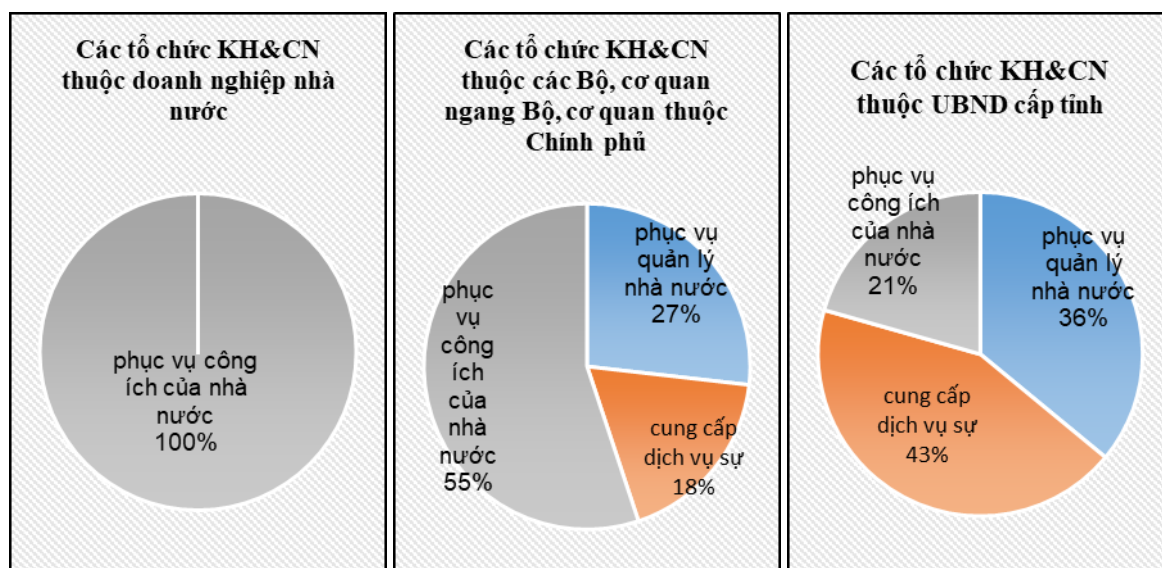
Ở khu vực địa phương, lĩnh vực hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập cùng thứ tự tương tự như ở khu vực bộ, ngành, các tổ chức KH&CN công lập chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: khoa học kỹ thuật và công nghệ (chiếm 72,8%), khoa học nông nghiệp (chiếm 17,6%), khoa học xã hội (chiếm 7,4%), khoa học tự nhiên (chiếm 3,7%), rất ít tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học nhân văn, và trong lĩnh vực y dược.



Hình 1: Cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN theo lĩnh vực hoạt động

Nguồn: Bộ Khoa học và công nghệ (2022)

1.3. Phân loại tổ chức theo chức năng nhiệm vụ



Hình 2: Cấu trúc mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ

Nguồn: Bộ Khoa học và công nghệ (2022)

Ở địa phương, hơn 70% các tổ chức KH&CN công lập có chức năng, nhiệm vụ chính là phục vụ quản lý nhà nước (chiếm 36%) và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (chiếm 43,4%), chức năng phục vụ công ích của nhà nước chỉ chiếm 25%. Ở khu vực các tổ chức KH&CN công lập thuộc các Bộ, ngành thì tỷ lệ này đã có sự khác biệt, một nửa có chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước (26,8 %) và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (18,1%), một nửa số tổ chức có chức năng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công ích (55,1%). Khu vực các tổ chức KH&CN thuộc doanh nghiệp nhà nước thì tỷ lệ các tổ chức cung cấp dịch vụ công ích đã lên đến 100%.

2. Hiện trạng tài chính của các tổ chức khoa học công nghệ công lập

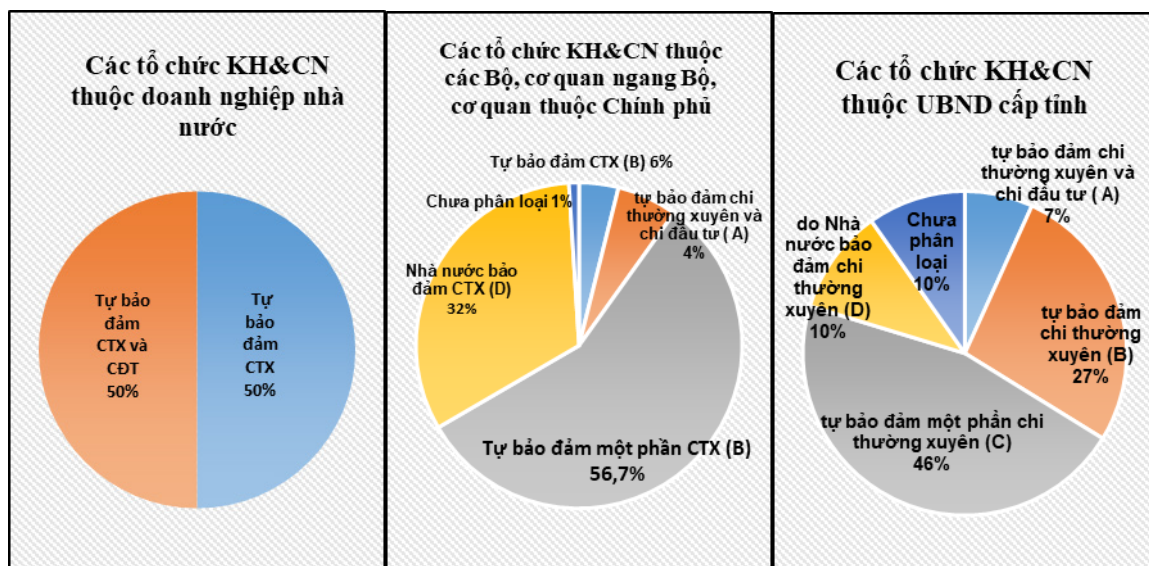
2.1. Về mức độ tự chủ tài chính

Đến nay, hầu hết các tổ chức KH&CN công lập đã được giao quyền tự chủ ở mức độ khác nhau. Các đơn vị nghiên cứu cơ bản, chiến lược chính sách và cung cấp dịch vụ công tiếp tục được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên theo phương thức khoán và được giao quyền tự chủ cao trong hoạt động. Nhiều tổ chức KH&CN được chuyển đổi đã phát huy hiệu quả trong hoạt động (Hoàng Xuân Long, 2020).

Ở các Bộ, ngành, 89% các tổ chức KH&CN công lập ở mức độ chưa tự chủ về tài chính (56,7% tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 32,4% do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên), 6% tổng số các tổ chức KH&CN công lập tự chủ chi thường xuyên, tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư chỉ chiếm 3,9%.

Ở địa phương, mức độ tự chủ về tài chính của các tổ chức KH&CN công lập như sau: 9 tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (chiếm 6,8%), 36 tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên (chiếm 27%), 61 tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (chiếm 45,9%), 14 tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (chiếm 10,3%) và 13 tổ chức chưa được phân loại tự chủ (chiếm 9,8%). Trong đó, vùng Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 45% các tổ chức tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên, Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ các tổ chức KH&CN công lập tự chủ thấp nhất (5 tổ chức tự chủ chi thường xuyên, chiếm 22,7%).

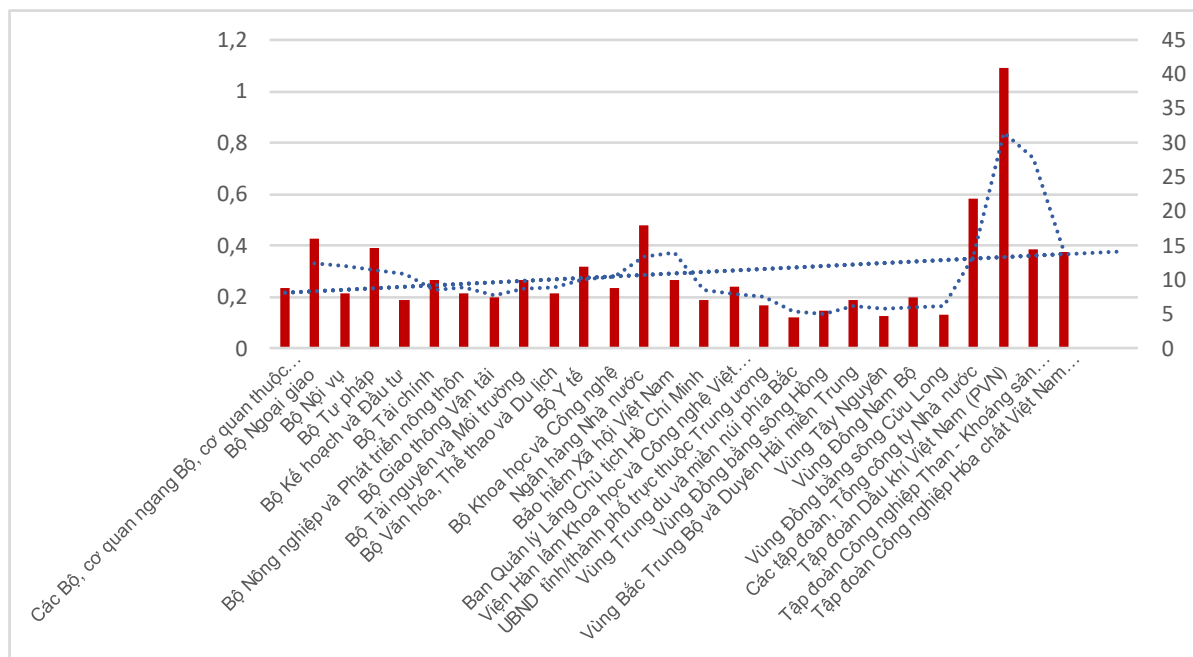
Các tổ chức KH&CN công lập thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đều đã tự chủ, trong đó 50% các tổ chức tự chủ chi thường xuyên, và 50% tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.



Hình 3: Cấu trúc mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ theo mức độ tự chủ về tài chính

Nguồn: Bộ Khoa học và công nghệ (2022)

2.2. Hiện trạng thu nhập bình quân trong các tổ chức KH&CN công lập Việt Nam



Hình 4: Hiện trạng thu nhập bình quân trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Nguồn: Bộ Khoa học và công nghệ (2022)

Nhìn vào sơ đồ trên có thể thấy, tổ chức KH&CN công lập có thu nhập trung bình trên đầu người thấp nhất tại Trung du và miền núi phía Bắc (trung bình là 4,5 triệu đồng/người/tháng) và tại Vùng Tây Nguyên (trung bình là 4,7 triệu đồng/người/tháng). Tổ chức KH&CN công lập có thu nhập trung bình trên đầu người cao nhất tại Tập đoàn dầu khí (trung bình là 41 triệu đồng/người/tháng) và tại Đại học Quốc gia Hà Nội (trung bình là 23,45 triệu đồng/người/tháng). Trong khi đó, thu nhập trung bình trên đầu người tại các tổ chức KH&CN công lập toàn quốc là 8,2 triệu đồng/người/tháng.

Thu nhập bình quân đầu người trong các tổ chức thuộc tập đoàn, tổng công ty nhà nước cao nhất (trung bình là 21,4 triệu đồng/người/tháng), gấp gần 2 lần rưỡi thu nhập bình quân đầu người trong các tổ chức KH&CN thuộc các bộ, ngành (trung bình 8,79 triệu đồng/người/tháng), gấp gần 3 lần rưỡi thu nhập bình quân đầu người trong các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh (trung bình 6,23 triệu đồng/người/tháng).

3. Một số tồn tại hạn chế

So với các quốc gia khác và với quy mô tổng thể của nền kinh tế, số lượng tổ chức KH&CN công lập ở Việt Nam hiện nay khá cao. Từ số lượng nhiều tổ chức KH&CN công lập dẫn đến sự phân bổ dàn trải, trùng lặp. Quy mô và năng lực của các tổ chức hạn chế, phân bổ còn chưa hợp lý giữa các vùng, miền và lĩnh vực hoạt động, còn chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, Việt Nam chưa có nhiều tổ chức KH&CN đạt trình độ quốc tế và khu vực. Hiệu quả hoạt động của đa số tổ chức KH&CN thấp, đội ngũ cán bộ KH&CN tăng về số lượng, nhưng chất lượng và năng lực còn hạn chế. Phân bố cơ cấu trình độ chưa hợp lý theo vùng, miền và lĩnh vực hoạt động; số cán bộ KH&CN đủ năng lực chủ trì những

nhiệm vụ KH&CN lớn, quan trọng ngày càng giảm sút.

Cơ cấu tổ chức KH&CN phân theo lĩnh vực ở các địa phương còn chưa hợp lý, có hơn 72,8% số tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, trong khi chỉ có 17,6% số tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong khi nông nghiệp vẫn đang đóng vai trò là ngành quan trọng trong phát triển kinh tế, cần được chú trọng đẩy mạnh. Các tổ chức khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học y dược và khoa học xã hội nhân văn tại các địa phương cũng rất hạn chế.

Việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn chậm, hiệu quả hoạt động sau chuyển đổi chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu do tâm lý ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước; sự chỉ đạo chưa quyết liệt ở một số Bộ, ngành; nhận thức của đội ngũ cán bộ khoa học và lãnh đạo các tổ chức KH&CN công lập về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn hạn chế; thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành về cơ chế giao tài sản, đất đai, vay vốn sản xuất - kinh doanh, giao quyền sở hữu đối với các kết quả KH&CN. Các tổ chức KH&CN lớn, có khả năng tự chủ tài chính chủ yếu tập trung ở các vùng kinh tế trọng điểm như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và còn thiếu các tổ chức KH&CN mạnh ở các địa phương vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên.

Kết luận và gợi ý định hướng phát triển

Thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập Việt Nam, tổ chức KH&CN công lập Việt Nam được tinh gọn lại so với giai đoạn trước. Phạm vi hoạt động của các tổ chức KH&CN được mở rộng từ nghiên cứu, đào tạo, đến sản xuất và dịch vụ KH&CN. Lĩnh vực các tổ chức khoa học công nghệ đa dạng từ khoa học kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp, tự

nhiên, y dược...Đã xuất hiện nhiều tổ chức KH&CN ngoài nhà nước, nhiều cơ sở sản xuất trong viện nghiên cứu, trường đại học, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, cơ cấu tổ chức KH&CN theo cơ cấu ngành hiện nay tương đối phù hợp.

Số lượng và loại hình hoạt động của các tổ chức KH&CN đa dạng nhưng lớn so với quy mô tổng thể nền kinh tế khu vực nói riêng và Việt Nam nói chung, vì vậy quy mô, chất lượng hoạt động và năng lực nghiên cứu của các tổ chức còn hạn chế. Các tổ chức khoa học và công nghệ ở các địa phương cũng như các Bộ, ngành chưa phát triển tạo thành một mạng lưới mạnh theo quy hoạch, gây ra sự chồng chéo chức năng và nhiệm vụ.

Về mức độ tự chủ tài chính đã được cải thiện ở các tổ chức khoa học công nghệ công lập, tuy nhiên tỷ lệ tổ chức khoa học công nghệ công lập ở các Bộ, ngành được Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên vẫn còn cao, rất ít tổ chức tự đảm bảo cả chi thường xuyên và chi đầu tư. Các tổ chức KH&CN lớn với thu nhập bình quân trong KH&CN ở mức cao chủ yếu tập trung ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, trong khi các địa phương ở vùng xa, miền núi rất ít các tổ chức KH&CN có tài chính tốt.

Chính vì vậy, Bộ Khoa học và công nghệ cần phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021-2030, định hướng 2031-2050 để phát triển các tổ chức KH&CN công lập một cách đồng bộ và đạt hiệu quả cao trong hoạt động. Cụ thể, cần có phương án rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ với mục tiêu giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực nghiên cứu, gắn với quá trình cơ cấu lại ngành khoa học và công nghệ. Gợi ý một số định hướng chủ yếu phát triển các tổ chức KH&CN như sau:

i) Cơ cấu lại hệ thống tổ chức KH&CN công lập phù hợp với Chiến lược phát triển KH&CN quốc gia, ngành, vùng miền, các lĩnh vực khoa học và hướng công nghệ ưu tiên.

ii) Tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại đủ năng lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực được ưu tiên; xây dựng các trường đại học nghiên cứu, một số trung tâm nghiên cứu xuất sắc theo mô hình tiên tiến của thế giới.

iii) Phát triển doanh nghiệp KH&CN, tổ chức nghiên cứu và phát triển trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu và phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam.

iv) Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo.

v) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ trung ương đến cơ sở; Thành lập Học viện quản lý KH&CN đào tạo nguồn nhân lực quản lý trình độ cao về KH&CN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và công nghệ (2022): Tài liệu hội thảo “Báo cáo quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021-2030, định hướng 2031-2050”, Hà Nội, tháng 9/2022.

2. Bộ Khoa học và công nghệ, Tổng luận Khoa học - Công nghệ - Kinh tế các năm 2017-2021

3. Đỗ Việt Trung (2016), Báo cáo tổng hợp Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030.

4. Hoàng Xuân Long (2020), Báo cáo tổng hợp chuyên đề 21 “Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, Quan điểm mục tiêu nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025”